TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 200/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 221/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lê Văn S, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Ấp Vĩnh T, xã V, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Lê Thị H, tổ 5, khu phố T, phường TH, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Ấp Vĩnh T, xã V, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Lê Thị Ngọc D, số 10, đường N4A, khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L chung sống và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số xx/KH, quyển số xx, ngày 26 tháng 8 năm 2013, tại UBND xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không còn hạnh phúc. Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do ông S và bà L đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Xuân H, sinh ngày 17/10/2011 và Lê Thành N, sinh ngày 31/8/2017. Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L thống nhất thỏa thuận giao con chung là Lê Thị Xuân H, sinh ngày 17/10/2011 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung là Lê Thành N, sinh ngày 31/8/2017 cho ông Lê Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Thỏa thuận của ông S và bà L phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L mỗi người chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Xuân H, sinh ngày 17/10/2011 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con chung là Lê Thành N, sinh ngày 31/8/2017 cho ông Lê Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn S chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); bà Nguyễn Thị L chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0017399 ngày 15/9/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND KV 15 – Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND xã V, tỉnh An Giang (GCN KH số xx/KH, quyển I/2013 ngày 26/8/2013);
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Nga